

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH SƠN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/KDTM-ST

Ngày 11/3/2022

V/v tranh chấp hợp

đồng đại lý tàu biển

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Đô.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Thạch.

2. Ông Bùi Tấn Ba.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trương Quang Bình, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2021/TLST-KDTM ngày 25/10/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng đại lý tàu biển”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-KDTM, ngày 25/01/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-KDTM, ngày 25/02/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần A; trụ sở: Lô CNX, đường số Y, Khu Công nghiệp Tịnh Phong, xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đinh Minh T, chức vụ: Giám đốc Công ty Cổ phần A (là người đại diện theo pháp luật); vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ hàng hải B; trụ sở: Số nhà X, tổ Y, khu Z, phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hữu H, chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ hàng hải B (là người đại diện theo pháp luật); vắng mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện ngày 29/9/2021, nguyên đơn là Công ty Cổ phần A và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Công ty Cổ phần A (sau đây viết tắt là Công ty A và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ hàng hải B (sau đây viết tắt là Công ty B) ký kết Hợp đồng dịch vụ đại lý hàng hải số 11/HD2018/PVTQN-B ngày 29/12/2017 và các phụ lục số 01, 02, 03, 04/HD2018/PVTQN-B ngày 29/12/2017 về việc Công ty A sẽ cung ứng dịch vụ đại lý hàng hải cho tàu Hữu Nghị 139 của Công ty B chuyên chở xăng dầu hoạt động tại miền Trung, bao gồm các cảng Chân Mây, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Vũng Rô.

Theo hợp đồng nêu trên, Công ty A và Công ty B thỏa thuận những chủ yếu (tóm tắt) sau:

Về nghĩa vụ của Công ty B: Thông báo bằng fax/E-mail trước mỗi chuyến đi cho Công ty A, dự kiến ngày, giờ, cảng đến và cảng đi, hải trình (nếu có), số lượng hàng hóa,...được quy định cụ thể trong lệnh điều động tàu; cung cấp cho Công ty A các tài liệu phục vụ cho công việc đại lý bao gồm vận đơn, lược khai hàng hóa, danh sách thuyền viên, danh sách hành khách, hồ sơ tàu và các chỉ thị khác (nếu có); ủy quyền cho Công ty A thay mặt Công ty B ký phát vận đơn (nếu có); các dịch vụ phát sinh như thay đổi thuyền viên, cung ứng vật tư, nhiên liệu, nước ngọt,...thì phải thông báo ít nhất 24 tiếng trước khi tàu đến cảng; thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Công ty A đại lý phí, chi phí của tàu tại cảng và chi phí các dịch vụ phát sinh mà Công ty B yêu cầu Công ty A thực hiện.

Về nghĩa vụ của Công ty A: Thực hiện các công việc đại lý tàu đảm bảo cho việc tàu cập và rời cảng giao nhận hàng an toàn và đúng lịch trình vận chuyển của tàu; thường xuyên thông báo tình hình thực hiện công việc đại lý cho Công ty B để kịp thời giải quyết các vướng mắc phát sinh; thay mặt Công ty B ký phát hành vận đơn nếu được ủy quyền; cùng với Công ty B giải quyết tranh chấp, khiếu nại giữa Công ty B với bên thứ ba đối với các vấn đề liên quan đến công việc do Công ty A thực hiện; tất cả các hóa đơn liên quan của

tàu tại cảng sẽ được các bên liên quan xuất cho Công ty A và Công ty A sẽ xuất lại hóa đơn cho Công ty B cùng với hóa đơn VAT về tiền đại lý phí và các chi phí phát sinh khác (nếu có); đại lý có trách nhiệm cung cấp thông tin cho Công ty B các quy định hàng hải của cảng vụ khu vực và các quy định về hoa tiêu, tàu lại và các quy định khác liên quan đối với tàu, cảng khu vực làm đại lý; đền bù mọi thiệt hại do không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình gây ảnh hưởng đến kế hoạch giao/nhận hàng của Công ty B; chịu trách nhiệm cung cấp vật tư, thiết bị, nguyên liệu hay các dịch vụ khác khi Công ty B yêu cầu trong khả năng của Công ty A.

Về cảng phí và đại lý phí: Đơn giá cảng phí và đại lý phí theo Bảng dự toán như Phụ lục số 01, 02, 03, 04 đính kèm hợp đồng; Công ty B sẽ thanh toán cho Công ty A các chi phí thực tế theo bảng quyết toán cảng phí (Trip Account); các chi phí phát sinh ngoài quy định do Công ty B yêu cầu sẽ được hai bên thỏa thuận tùy từng trường hợp cụ thể.

Về thời hạn và phương thức thanh toán: Công ty B có trách nhiệm thanh toán trước cho Công ty A toàn bộ chi phí theo Bảng dự toán tùy thuộc vào từng cảng dỡ/xếp hàng cụ thể như Phụ lục 01, 02, 03, 04 trước khi tàu vào nhận hàng. Trong trường hợp ngày thu nhận hàng trùng vào ngày nghỉ thì Công ty B phải thanh toán cho bên B vào ngày làm việc trước ngày thu nhận hàng. Sau khi tàu rời và Công ty B nhận được bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ, trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ Công ty B phải thanh toán cho Công ty A đầy đủ giá trị còn lại của các chi phí kê khai trong Bảng Quyết toán cảng phí (Trip Account). Trong trường hợp có sai sót hoặc chứng từ thanh toán không đầy đủ Công ty B sẽ thông báo cho Công ty A trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ thanh toán để sửa đổi bổ sung cho hợp lệ và thời gian thanh toán sẽ được tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Nếu trong vòng 07 ngày kể từ ngày Công ty B nhận được bộ hồ sơ hợp lệ nhưng chưa thanh toán cho Công ty A thì phải chịu lãi suất cho khoản tiền thanh toán chậm theo lãi suất công bố của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm trả chậm nhưng không chậm quá 15 ngày; việc thanh toán nêu trên sẽ được thực hiện bằng phương thức chuyển khoản qua ngân hàng.

Về thời hạn thực hiện hợp đồng là từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018.

Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty A đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình trong hợp đồng nêu trên và một trong số địa điểm thực hiện hợp đồng là Cảng Dung Quất (thuộc huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi). Tuy nhiên, Công

ty B không thanh toán cho Công ty A số tiền dịch vụ đại lý hàng hải là 187.488.044 đồng (một trăm tám mươi bảy triệu, bốn trăm tám mươi tám nghìn, không trăm bốn mươi bốn đồng).

Mặc dù Công ty A đã nhiều lần yêu cầu Công ty B thanh toán số tiền còn nợ, Công ty B cũng có văn bản cam kết sẽ thanh toán nợ nhưng sau đó Công ty B vẫn không thực hiện việc thanh toán nợ. Vì vậy, nay Công ty A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty B phải trả cho Công ty A số tiền dịch vụ đại lý hàng hải là 187.488.044 đồng (một trăm tám mươi bảy triệu, bốn trăm tám mươi tám nghìn, không trăm bốn mươi bốn đồng); không yêu cầu tính lãi.

*\* Quá trình giải quyết vụ án, Công ty B không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty A.*

*\* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về thủ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, tổng đạt văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, trình tự thủ tục phiên tòa; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty A về tranh chấp hợp đồng đại lý tàu biển; buộc Công ty B trả cho Công ty A số tiền nợ 187.488.044 đồng (một trăm tám mươi bảy triệu, bốn trăm tám mươi tám nghìn, không trăm bốn mươi bốn đồng); Công ty B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện địa điểm Cảng Dung Quất (thuộc địa phận huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi) là một trong những nơi thực hiện hợp đồng đại lý tàu biển (đang tranh chấp trong vụ án) nên theo sự lựa chọn của nguyên đơn (Công ty A) và quy định tại điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm giải quyết Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.2] Ngày 25/10/2021, Tòa án thụ lý vụ án “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo đơn khởi kiện của Công ty A. Tuy nhiên, quá trình giải quyết, có cơ sở xác định giữa các đương sự tranh chấp với nhau về hợp đồng đại lý tàu biển nên Tòa án xác định lại quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng đại lý tàu biển”.

[1.3] Đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt; Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự.

[1.4] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là Công ty B không có văn bản trình bày ý kiến, không phản đối các tình tiết, sự kiện mà nguyên đơn (Công ty A) đưa ra, cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ, không đến Tòa án làm việc, hòa giải, xét xử. Căn cứ Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

## [2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ Hợp đồng dịch vụ đại lý hàng hải số 11/HD2018/PVTQN-B, ngày 29/12/2017, các phụ lục số 01, 02, 03, 04/HD2018/PVTQN-B ngày 29/12/2017 do Công ty Vận tải dầu khí Quảng Ngãi cung cấp và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định giữa Công ty A và Công ty B có thỏa thuận với nhau về việc Công ty A cung ứng dịch vụ đại lý tàu biển cho tàu Hữu Nghị 139 của Công ty B chuyên chở xăng dầu hoạt động tại miền Trung, bao gồm các cảng Chân Mây, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Vũng Rô với các nội dung về quyền, nghĩa vụ của các bên, thời hạn thực hiện hợp đồng và phương thức, thời hạn thanh toán đúng như Công ty A đã trình bày.

Hợp đồng dịch vụ đại lý hàng hải số 11/HD2018/PVTQN-B, ngày 29/12/2017 tuân thủ đúng các quy định về chủ thể, mục đích, nội dung và hình thức tại các Điều 235, 236, 237, 238, 239, 240, 242 của Bộ luật Hàng hải năm 2015 và từ Điều 74 đến Điều 87 của Luật Thương mại năm 2005 nên hợp đồng này có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện trong quá trình thực hiện Hợp đồng dịch vụ đại lý hàng hải số 11/HD2018/PVTQN-B, ngày 29/12/2017, Công ty A đã thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ cung ứng dịch vụ đại lý tàu biển và đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng theo đúng thỏa thuận giữa các bên. Tuy nhiên, Công ty B không thanh toán đúng hạn các chi phí dịch vụ

cho Công ty A với số tiền là 187.488.044 đồng (một trăm tám mươi bảy triệu, bốn trăm tám mươi tám nghìn, không trăm bốn mươi bốn đồng) là vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã ký kết trong hợp đồng nêu trên.

[2.3] Theo nội dung các Công văn số 01/2019/CV-B, ngày 02/01/2019 và số 05/2019/CV-B ngày 28/3/2019 của Công ty B gửi cho Công ty Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi thể hiện Công ty B xác nhận chưa thanh toán được số tiền 187.488.044 đồng (một trăm tám mươi bảy triệu, bốn trăm tám mươi tám nghìn, không trăm bốn mươi bốn đồng) cho Công ty Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi, với lý do Ngân hàng chấm dứt hợp đồng tín dụng, thu hồi tài Hữu Nghị 139, phong tỏa tài khoản của Công ty B, một số đối tác chưa thanh toán nợ còn tồn đọng cho Công ty B, phương tiện bị thu giữ nên Công ty B cũng không còn nguồn thu nào để thanh toán đúng hạn cho Công ty Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi.

Sau khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử sơ thẩm, Công ty B vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty A, cũng không đến Tòa án để làm việc, hòa giải, xét xử. Chính những điều này thể hiện Công ty B không có thiện chí trả nợ cho Công ty A.

[2.4] Công ty A khởi kiện yêu cầu Công ty B trả nợ là có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận trong Hợp đồng dịch vụ đại lý hàng hải số 11/HD2018/PVTQN-B, ngày 29/12/2017 nêu trên và phù hợp với quy định tại các Điều 239, 240 và 241 của Bộ luật Hàng hải năm 2015, các Điều 85, 86, 87 của Luật Thương mại năm 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty A, buộc Công ty B có nghĩa vụ trả cho Công ty A số tiền dịch vụ đại lý tàu biển là 187.488.044 đồng (một trăm tám mươi bảy triệu, bốn trăm tám mươi tám nghìn, không trăm bốn mươi bốn đồng).

[2.5] Công ty A không yêu cầu Công ty B thanh toán lãi suất chậm trả nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[2.6.1] Công ty B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.374.402 đồng (chín triệu, ba trăm bảy mươi bốn nghìn, bốn trăm lẻ hai đồng) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

[2.6.2] Hoàn trả tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho Công ty A.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 40, 91, 92, 144, 147, 227, 228, 235, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 237, 238, 239, 240 và Điều 241 của Bộ luật Hàng hải năm 2015; các Điều 85, 86 và 87 của Luật Thương mại năm 2005 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần A về tranh chấp hợp đồng đại lý tàu biển đối với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ hàng hải B.

2. Buộc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ hàng hải B có nghĩa vụ trả số tiền dịch vụ đại lý tàu biển cho Công ty Cổ phần A là 187.488.044 đồng (một trăm tám mươi bảy triệu, bốn trăm tám mươi tám nghìn, không trăm bốn mươi bốn đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Buộc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ hàng hải B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.374.402 đồng (chín triệu, ba trăm bảy mươi bốn nghìn, bốn trăm lẻ hai đồng).

5. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 4.687.000 đồng (bốn triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000398 ngày 21/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- CCTHADS huyện Bình Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Đô**